

Kinh Môn, ngày 19 tháng 9 năm 2018

Số: 263/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 327/2018/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa⁽²⁾:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 18/3/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 30/8/2013 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tính từ tháng 9/2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L đều tự nguyện không yêu cầu phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương là 300.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0001792 ngày 13/8/2018; hoàn trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi Cục T.H.A huyện Kinh Môn
- UBND xã D, Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Chu Văn Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).